TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2022/DS-ST

Ngày: 26/4/2022

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Giàu

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2021/TLST- DS ngày 22/11/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2A/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị ***Phan Thị Cẩm Nh***; sinh năm 1986; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TT, xã Phú T, huyện C, tỉnh BT

2. *Bị đơn*: anh ***Nguyễn Mai Hữu Tr***, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Trần Quốc Tuấn, phường K, thành phố BT, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn chị Nh trình bày:

Do có quan hệ quen biết với anh Tr nên chị có cho anh Tr vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 23/6/2021 chị có cho anh Tr vay số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) thời hạn vay 05 ngày, lãi suất 2%/tháng. Khi vay hai bên

có làm hợp đồng vay tiền và được công chứng tại văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân, việc giao nhận tiền hai bên có làm biên nhận do anh Tr ký.

- Ngày 06/7/2021 chị có cho anh Tr vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 2%/tháng. Khi vay hai bên có làm hợp đồng vay tiền (giấy tay), việc giao nhận tiền hai bên có làm biên nhận do anh Tr ký.

- Ngày 28/7/2021 chị có cho anh Tr vay số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) thời hạn vay 05 ngày, lãi suất 2%/tháng. Việc vay tiền được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản.

Tuy nhiên sau khi nhận được tiền anh Tr không trả vốn, chỉ trả lãi cho chị được một lần với số tiền là 31.500.000 đồng (Ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) thì không trả nữa. Nay chị yêu cầu anh Tr phải trả cho chị số tiền vốn là 1.870.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng) và phần tiền lãi của số tiền 1.350.000.000đồng cũng như số tiền 400.000.000 đồng theo từng thời điểm vay cho đến ngày xét xử theo qui định của pháp luật. Riêng khoảng 120.000.000 đồng chị không yêu cầu tính lãi. Chị đồng ý khấu trừ đi phần tiền lãi đã nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời anh Tr, đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Tr vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý trừ đi khoản tiền lãi đã nhận cũng như việc không yêu cầu tính lãi đối với số tiền cho mượn ngày 28/7/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/10/2021 chị Phan Thị Cẩm Nh có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Mai Hữu Tr trả số tiền vay là 1.870.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng) và phần lãi của số tiền trên. Anh Tr cư trú tại phường 4, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Tr, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời anh cũng không có người đại diện nên không thể tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ

nhưng anh Tr vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tr.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo như chị Nh trình bày chị có cho anh Tr vay số tiền 1.870.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng), nhưng đến thời điểm hiện tại anh Tr chưa trả tiền cho chị Nh. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Tại tòa, chị Nh yêu cầu anh Tr phải trả số tiền là 1.870.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi số tiền 1.350.000.000đồng cũng như số tiền 400.000.000 đồng theo từng thời điểm vay cho đến ngày xét xử theo qui định của pháp luật.

Xét thấy:

- " Hợp đồng vay tiền" ngày 23/6/2021 thể hiện anh Tr có vay của chị Nh số tiền là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 05 ngày (từ ngày 23/6/2021 đến 27/6/2021), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Hợp đồng này được công chứng tại văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân, việc giao nhận tiền hai bên có làm biên nhận do anh Tr ký.

- " Hợp đồng vay tiền" ngày 06/7/2021 thể hiện anh Tr có vay của chị Nh số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 10 ngày (từ ngày 06/7/2021 đến 15/7/2021), không thể hiện lãi suất. Hợp đồng này là hợp đồng viết tay không có công chứng, chứng thực, việc giao nhận tiền hai bên có làm biên nhận do anh Tr ký.

Hai hợp đồng vay tiền trên thể hiệc anh Tr có vay của chị Nh số tiền là 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), anh Tr đã nhận đủ số tiền này (có biên nhận) nhưng anh chưa thực hiện việc trả lãi cho chị Nh khi thời hạn vay theo thỏa thuận đã hết. Do đó chị Nh yêu cầu anh phải thanh toán cho chị Nh các khoản tiền trên và yêu cầu tính lãi suất số tiền 1.350.000.000đồng cũng như số tiền 400.000.000 đồng theo từng thời điểm vay cho đến ngày xét xử theo qui định của pháp luật là có cơ sở nghĩ nên buộc anh Tr phải trả cho chị Nh các khoản tiền trên cũng như phần lãi suất theo qui định của pháp luật.

Đối với số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) chị Nh chuyển khoản cho anh Tr ngày 28/7/2021 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bến Tre (số tài khoản 6666198 mang tên Phan Thị Cẩm Nh) sang Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải (số tài khoản 4300101900215 mang tên Nguyễn Mai Hữu Tr) thì tại Công văn số 01/2022/MSBBTE ngày 13/01/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải thể hiện tài khoản số 4300101900215 mang tên Nguyễn Mai Hữu Tr, sinh ngày 09/9/1987, số CMND 321250270 cấp ngày 24/02/2016, địa chỉ: 177/1B ấp Mỹ An B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre. Bên cạnh đó qua xác minh tại Công an phường phường 4 thành phố Bến Tre vào ngày 20/01/2022 được biết Nguyễn Mai Hữu Tr, sinh năm1987, số CMND 321250270 cấp ngày 24/02/2016,cư trú tại Trần Quốc Tuấn phường K, thành phố Bến Tre trước đây cư trú tại : ấp B, xã A, thành phố BT và đã chuyển hộ khẩu về phường K vào khoảng năm 2016. Điều này chứng tỏ Nguyễn Mai Hữu Tr trong các hợp đồng vay

tài sản và trong ủy nhiệm chi do ngân hàng cung cấp là một người.

Tuy nhiên trong tin nhắn lại thể hiện đây là "Nh cho trong mượn 120 tr" "oke" "em đã nhận đủ" điều này thể hiện số tiền này là số tiền cho mượn và anh Tr đã nhận đủ số tiền này. Do đó anh Tr phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị Nh. Tại Tòa chị Nh không yêu cầu tính lãi khoản tiền này nghĩ nên ghi nhận.

[5] Do trong các hợp đồng vay tiền và tiền mượn các bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể nên mức lãi suất sẽ được tính theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự; cụ thể:

Số tiền 1.350.000.000 đồng x 0,83% x 10 tháng = 112.050.000 đồng.

Số tiền 400.000 .000 đồng x 0,83 x9 tháng = 29.980.000 đồng

Tổng cộng vốn và lãi của hai khoản tiền trên là: 1.350.000.000 đồng + 112.050.000 đồng + 400.000.000 đồng + 29.880.000 đồng = 1.891.930.000 đồng.

Trừ đi khoản tiền lãi đã nhận là 31.500.000đồng = 1.860.430.000 đồng.

Cộng chung tất cả là: 1.860.430.000 đồng + 120.000.000 đồng = 1.980.430.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng)

[6] Đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Tr phải nộp là 71.412.000.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị *Phan Thị Cẩm Nh*; cụ thể tuyên:

Buộc anh ***Nguyễn Mai Hữu Tr*** có trách nhiệm trả cho chị ***Phan Thị Cẩm Nh*** số tiền là 1.980.430.000 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 71.412.000.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng) anh Tr phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho chị Nh số tiền là 39.400.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002622 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b) d9a4
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Giàu **Nguyễn Thị Hiền** **Nguyễn Duy Phong**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng **Dương Thị Thanh Thúy** **Nguyễn Duy Phong**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

Theo nội dung đơn khởi kiện, vào ngày 09/10/ 2017 ông Nguyễn Văn Quốc có cho ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh vay số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, mức lãi suất là 0,666%/ tháng lúc mượn tiền hai bên có ký hợp đồng vay mượn tiền và có chứng thực. Nhưng đến thời điểm hiện tại ông ông Hiệp và bà Oanh chưa trả tiền cho ông Quốc theo thõa thuận. Yêu cầu của ông Quốc là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do yêu cầu được chấp nhận ông Nguyễn Văn Quốc không phải chịu án phí.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 46.795.200 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng).*

.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Quốc về việc yêu cầu ông Hiệp và bà Oanh trả số tiền vay và lãi tổng cộng 159.840.000 đồng chứng cứ ông Quốc yêu cầu ông Hiệp và bà

Oanh trả tiền là các hợp đồng vay tiền ngày 09/10/2017 và giấy cam kết trả nợ ngày 13/9/2020.

Xét về hình thức tờ " Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" ông Quốc khai là do các bên cùng thỏa thuận đánh máy ra, viết tay và ký tên khi ông Hiệp và bà Oanh nhận tiền của ông Quốc, Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của ông Quốc và nội dung trong các tờ " Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" thể hiện ông ông Hiệp và bà Oanh có mượn số tiền của ông Quốc 1.000.000.000 đồng, mức lãi suất là 0,666%/ tháng lời khai của bà Hồng phù hợp với nội dung các tờ " Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không trái với Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông Quốc với ông Hiệp và bà Oanh, là có thật.

Xét thấy số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà ông Hiệp và bà Oanh đã ghi trong " Hợp đồng vay n tiền" và "Giấy nhận nợ" được hai bên thỏa thuận giao kết vào các ngày ngày 09/10/2017và ngày 13/9/2020 và yêu cầu tiền lãi số tiền 159.840.000 đồng là phù hợp với qui định tại Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Quốc.

Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các thông báo kết quả phiên họp và công khai chứng cứ do ông Nguyễn Văn quốc cung cấp. Nhưng ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Quốc cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận các tờ "Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của ông Nguyễn Văn Quốc.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh còn nợ ông Nguyễn Văn Quốc số tiền 1.159.840.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng đã mượn, trong đó 1.000.000.000 (*một tỷ đồng)* theo "Hợp đồng vay tiền" và "Giấy nhận nợ" thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Quốc yêu cầu tính lãi suất số tiền đã vay của ông Tuyến và phần lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử xem xét đến phần lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi bà Hồng yêu cầu 24 tháng với mức 0,666%/tháng trên tổng số tiền vay 1.000.000.000 đồng với số tiền 159.840.000 đồng không trái với quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước và quy định về lãi suất được căn cứ tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Áp dụng Điều 4, 117,119, 463, 466, 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Quốc.

Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải trả cho ông Nguyễn Văn Quốc số tiền là số tiền là 1.159.840.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng đã mượn, trong đó 1.000.000.000 (*một tỷ đồng)* tiền nợ gốc và tiền lãi là 159.840.000 (một trăm năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Hữu Hiệp và bà Lê Thị Oanh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 46.795.200 đồng (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng).*

Hoàn cho ông Nguyễn Văn Quốc số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.398.000 đồng (*hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005203 ngày 13/11/2020 tại chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre,tỉnh Bến Tre.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hổ **Dương Thị Thanh Thúy** **Nguyễn Duy Phong**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Thúy **Trần Thị Kim Mỹ** **Nguyễn Duy Phong**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền **Nguyễn Thị Bé Em** **Nguyễn Duy Phong**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng **Lý Thị Kim Ngân** **Nguyễn Duy Phong**